| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LÂM HÀ**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2019
*V/v: "Ly hôn".*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Trung Kiên**.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Đoàn Thị A Hương**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thùy**.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông **Phan Khắc Duy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông **Mai Trường Trinh -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2019 về việc: *"Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Chu Văn M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*2. Bị đơn:* Bà Dương Thị A, sinh năm 1975.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐST-VDS ngày 29/11/2918 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa: Ông M có mặt, bà A vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Chu Văn M trình bày:*

Ông và bà Dương Thị A kết hôn vào năm 2002, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh kế gia đình khó khăn, vợ chồng không hợp nhau. Bà A bỏ nhà đi đã nhiều năm đến nay vẫn không có tin tức. Ông đã tìm kiếm nhưng không được. Ông đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giải quyết tuyên bố bà Dương Thị A

mất tích. Tại Quyết định số 02/2018/QĐST-VDS ngày 29/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã tuyên bố bà A bị mất tích. Nay ông xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Dương Thị A.

*Về con chung:* Ông M xác định có một con chung là Chu Văn H, sinh ngày 23/01/2003. Hiện con đang ở với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con, ông không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Ông M xác định vợ chồng ông không có tài sản chung, không vay nợ tài sản của ai nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Dương Thị A, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà A đến trụ sở Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa tuy nhiên bà A đều vắng mặt do đó không có lời khai của bà A tại Tòa án và Tòa án đã không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa*:

Ông M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của ông M về việc ly hôn với bà A. Giao con chung là Chu Văn H – sinh ngày 23/01/2003 cho ông M có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Dương Thị A vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên cần căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Dương Thị A là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông M và bà A xây dựng gia đình với nhau năm 2002, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm, hơn nữa hoàn cảnh gia đình lại khó khăn nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Bà A bỏ đi đến nay đã nhiều năm nhưng

không có tin tức. Ông M đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giải quyết tuyên bố bà Dương Thị A mất tích. Tại Quyết định số 02/2018/QĐST-VDS ngày 29/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã chấp nhận đơn yêu cầu của ông M, tuyên bố bà Dương Thị A bị mất tích. Nay ông M yêu cầu được ly hôn với bà A. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, hơn nữa bà A đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà A theo qui định của pháp luật nhưng không có tin tức gì của bà A. Do đó, cần căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Chu Văn M, xử cho ông Chu Văn M và bà Dương Thị A được ly hôn là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Ông M và bà A có một con chung là Chu Văn H, sinh ngày 23/01/2003. Qua xác minh được biết, từ khi bà A bỏ đi đến nay thì cháu Hoàn sống cùng ông M, cháu phát triển bình thường. Hơn nữa, cháu Hoàn đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với bố và hiện nay bà A bị mất tích nên cần căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Hoàn cho ông M có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà A không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Nếu sau này, bà A trở về và các bên phát sinh tranh chấp về yêu cầu nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để được Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông M xác định ông và bà A không có tài sản chung và hiện nay không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn bà A bị tuyên bố mất tích nên Tòa án không làm rõ được về vấn đề tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử tách ra không xem xét giải quyết về tài sản trong vụ án này. Nếu sau này bà A trở về và các bên có tranh chấp về tài sản và có đơn khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác.

[5] *Về án phí*: Ông Chu Văn M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 203; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Chu Văn M, xử cho ông Chu Văn M và bà Dương Thị A được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung là Chu Văn H, sinh ngày 23/01/2003 cho ôgn Chu Văn M có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Bà Dương Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Chu Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Chu Văn M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001066 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông Chu Văn M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Chu Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/9/2019). Bà Dương Thị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã T, huyện L;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Lê Trung Kiên**